

Số: 104/TB-QBVPTR

Kon Tum, ngày 23 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018
cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh Kon Tum và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum năm 2018;

Căn cứ số liệu diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai xác nhận;

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền chi trả DVMTR năm 2018: 8.389.433.600 đồng (*Tám tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, sáu trăm đồng chẵn*), trong đó:

- Tiền chi trả DVMTR đã tạm ứng: 1.270.799.000 đồng (*Một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn đồng chẵn*);
- Tiền chi trả DVMTR thanh toán đợt này: 7.118.634.600 đồng (*Bảy tỷ, một trăm mười tám triệu, sáu trăm ba mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng chẵn*).

(có biểu chi tiết kèm theo)

2. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai:

2.1. Khẩn trương lập thủ tục thanh toán tiền DVMTR năm 2018; đồng thời hoàn trả kinh phí đã tạm ứng theo Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc hỗ trợ các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp khó khăn tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên lâm phần được giao quản lý; số tiền cụ thể là 950.000.000 đồng (*Chín trăm, năm*



mười triệu đồng chẵn) gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 29/01/2019 theo địa chỉ: số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để kiểm tra, chi trả theo quy định.

2.2. Quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2.3. Xác định và chi trả tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR của các cơ quan chức năng; thực hiện thanh quyết toán theo loại hình hoạt động của đơn vị mình và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Ia H'Drai;
- Giám đốc;
- Phòng TC-HC-KT;
- Lưu VT, KH-KT. *TE*

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng



UBND TỈNH KON TUM
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2018
 (Kèm theo Thông báo số 104/TB-QBVPTR ngày 13/01/2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai
2. Địa chỉ: huyện Ia H'Drai - tỉnh Kon Tum
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]	[9]
Tổng cộng		17.962,28	16.166,05		8.389.433.600	1.270.799.000	7.118.634.600	
I	Chi trả theo lưu vực thủy điện	4.822,34	4.340,11		2.907.669.538	1.270.799.000	1.636.870.538	
1	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	4.822,34	4.340,11	27.792	120.619.141	52.716.680	67.902.461	
2	Nhà máy thủy điện Sê San 4	17.962,28	16.166,05	152.385	2.463.463.871	1.076.658.603	1.386.805.267	
3	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	17.962,28	16.166,05	20.016	323.586.525	141.423.717	182.162.809	
II	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp	17.962,28	16.166,05		5.478.080.961		5.478.080.961	
1	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá 172.401 đồng/ha/năm	13.139,94	11.825,95	346.325	4.095.615.001		4.095.615.001	
2	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá 200.193 đồng/ha/năm	4.822,34	4.340,11	318.533	1.382.465.960		1.382.465.960	
III	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp từ số tiền không xác định được đối tượng nhận tiền	17.962,28	16.166,05	228	3.683.101		3.683.101	